

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

GIAO THOA VĂN HÓA VÀ NGÔN NGỮ QUA CÁC BÀI ĐỌC HIỂU TRONG SÁCH "NEW ENGLISH FILE-INTERMEDIATE"

PHẠM THỊ THANH THÚY*

TÓM TẮT: Văn hóa hiện diện qua ngôn ngữ. Khi học ngoại ngữ, giao thoa văn hóa là yếu tố không thể không nhắc đến để người học có thể hiểu sâu hiểu kỹ và sử dụng đúng ngôn ngữ đó. Giao thoa văn hóa qua ngôn ngữ thể hiện ở sự khác biệt về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, v.v.; nói cách khác, đó chính là giao thoa ngôn ngữ. Dưới ánh sáng của ngôn ngữ học tri nhận, cụ thể là khái niệm ngôn ngữ học văn hóa và ý niệm văn hóa, tác giả đi sâu vào phân tích các bài đọc tiếng Anh trong sách giáo trình "New English File-Intermediate" (sách được áp dụng cho đối tượng sinh viên không chuyên Anh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) ở ngôn ngữ nguồn - ngoại ngữ (L1) và ngôn ngữ đích - ngôn ngữ mẹ đẻ (L2). Từ đó, người viết đưa ra một số giải pháp giúp sinh viên hiểu các bài đọc này một cách dễ dàng hơn, góp phần giúp sinh viên làm bài đọc hiểu hiệu quả.

TỪ KHÓA: văn hóa; ngôn ngữ; ngôn ngữ học tri nhận; ý niệm văn hóa; New English File.

NHẬN BÀI: 24/12/2018.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 24/2/2019

1. Đặt vấn đề

Ngoại ngữ đã trở thành công cụ hữu hiệu giúp con người thuộc nhiều nền văn hóa xích lại gần và hợp tác cùng nhau. Thêm vào đó, một kho tàng khổng lồ tài liệu chứa đựng tri thức của nhân loại được viết bằng ngoại ngữ, trong đó bao gồm tiếng Anh. Khả năng ngoại ngữ tốt sẽ giúp con người chiếm lĩnh nguồn tri thức đó. Không tách rời xu thế toàn cầu, Việt Nam, trong thời gian gần đây, đẩy mạnh công tác giảng dạy ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh tại các bậc học khác nhau từ mẫu giáo đến đại học và sau đại học. Tiếng Anh trở thành môn học bắt buộc đối với học sinh, sinh viên và học viên. Người học dần ý thức được vai trò to lớn của ngoại ngữ này. Tuy nhiên, trong suốt quá trình học tiếng, học viên gặp nhiều khó khăn về các khía cạnh khác nhau, bao gồm kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội không phải ngoại lệ.

Một trong những nhân tố khiến người học tiếng Anh khó lòng hiểu được tường tận các văn bản đọc chính là yếu tố văn hóa ẩn chứa trong các ngôn từ. Bức tranh thế giới hiện ra sau ngôn từ sẽ rõ ràng hay không phụ thuộc phần lớn vào việc học viên tiếp cận văn bản đọc hiểu từ góc độ nào về từ vựng, ngữ pháp và văn hóa. Ngôn ngữ học văn hóa, hay "Cultural Linguistics" là khái niệm nhắc đến một ngành mới được phát triển trong thời gian gần đây với các nguồn gốc đa ngành nhằm khám phá mối quan hệ giữa ngôn ngữ và những ý niệm văn hóa [10]. Theo Farzad Sbarifian, ngôn ngữ học văn hóa gắn liền với các đặc điểm của ngôn ngữ con người được mã hóa hoặc thuyết minh về khía cạnh văn hóa cấu thành nên các ý niệm và chuyên tải toàn bộ kinh nghiệm của con người. Nói cách khác, nhiều đặc trưng của ngôn ngữ con người bám chặt vào các ý niệm văn hóa [10].

Ngôn ngữ học tri nhận góp phần giúp người học tiếng Anh tìm hiểu và phát hiện các ý niệm văn hóa trong văn bản nguồn (L1) và chuyển tải sang văn bản đích (L2), từ đó có được cái nhìn bao quát mà chi tiết để hiểu văn bản tiếng Anh và làm các dạng bài đọc tiếng Anh tốt hơn. Các yếu tố khác như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng hay cách tổ chức văn bản kết hợp với vốn kiến thức về văn hóa, xã hội, chính trị, v.v. của các nước nói tiếng Anh và nhiều nước trên thế giới sẽ dẫn đến sự thấu hiểu kỹ càng các văn bản tiếng Anh. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích các văn bản tiếng Anh được chọn làm nguồn cho các bài tập đọc hiểu trong sách giáo trình "New English

File - Intermediate". Bài viết tập trung làm rõ khái niệm ngôn ngữ học văn hóa và ý niệm văn hóa, hai khái niệm thuộc ngành ngôn ngữ học tri nhận, từ đó phân tích cụ thể các ý niệm văn hóa ẩn chứa trong những bài đọc hiểu ở sách "New English File-Intermediate". Cuối cùng, tác giả đưa ra một số giải pháp gợi ý cho giảng viên và sinh viên không chuyên ngữ khắc phục khó khăn và cải thiện tình hình trong việc dạy và học các dạng bài đọc hiểu ở ngôn ngữ nguồn (L1), tức văn bản tiếng Anh.

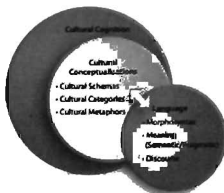
2. Ngôn ngữ học văn hóa và ý niệm văn hóa

Ngôn ngữ học văn hóa là khái niệm thuộc ngành ngôn ngữ học tri nhận. Vào thế kỉ 18, nhiều học giả bắt đầu bày tỏ sự quan tâm về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Wilhelm von Humboldt (1767-1835), Edward Sapir (1884-1939) và Benjamin Whorf (1897-1941) đều nhấn mạnh mối quan hệ giữa ngôn ngữ, ý nghĩ và văn hóa [1]; [6]. Duranti phân biệt giữa ba hệ biến hóa khác nhau trong lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa, bao gồm ngôn ngữ xét về phương diện từ vựng và ngữ pháp, ngôn ngữ xét về lĩnh vực tổ chức văn hóa, và ngôn ngữ xét về thành tựu tương tác cùng với các giá trị mục lục [3]. Thuật ngữ "Ngôn ngữ học văn hóa" [7] - hay thuật ngữ được dùng thông dụng hơn "ngôn ngữ dân tộc học" [13], mà theo Duranti [4;33], đã luôn là một ngành phổ biến ở châu Âu - có thể được dùng để nhắc đến ngành nghiên cứu chung về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa [8].

Theo Sharifian [9] và Sharifian & Palmer [11], ngôn ngữ học văn hóa chia thành một số nhánh nhỏ để phát triển nền tảng lí thuyết như: tâm lí học tri nhận, khoa học phức, tri nhận được phân bổ và nhân loại học. Nó cũng được áp dụng cho và thừa hưởng lợi ích từ ngôn ngữ học ứng dụng như: giao thoa văn hóa, ngữ dụng học giao văn hóa, tiếng Anh thế giới, giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế và phân tích diễn ngôn chính trị. Ngôn ngữ học văn hóa cung cấp cả khung lí thuyết và phân tích cho việc tìm hiểu các ý niệm văn hóa nằm bên dưới việc sử dụng ngôn ngữ của con người.

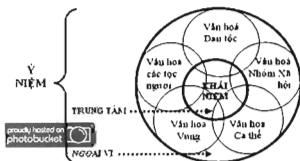
Khái niệm "tri nhận văn hóa" (cultural cognition) cung cấp vốn hiểu biết đa ngành về tri nhận được di chuyển vượt ra ngoài cấp độ trí tuệ cá nhân [14]. Frank [5;494] coi tri nhận văn hóa như "một dạng thức tri nhận mà... không được tượng trưng đơn giản như kiểu trừu tượng nào đó bị tách rời "giữa sự tồn tại của đôi tai". Đây chính là dạng thức của "tri nhận không hoạt động" [12] được xem như là kết quả của sự tương tác ngôn ngữ và xã hội giữa các cá nhân qua thời gian và không gian [2].

Dưới đây là sơ đồ về ý niệm văn hóa. Hai hình tròn bên trái phản ánh khung lí thuyết, với giao đồ văn hóa (cultural schemas), các kiểu văn hóa (cultural categories), và ẩn dụ văn hóa (cultural metaphors) - những ví dụ cụ thể của ý niệm văn hóa.



Hình 1. Tóm tắt về khung lí thuyết và phân tích của Ngôn ngữ học văn hóa

Hình 2 (dưới đây) là sơ đồ các yếu tố cấu thành nên ý niệm văn hóa. Trong đó ý niệm văn hóa bao gồm khái niệm về văn hóa dân tộc, văn hóa các tộc người, văn hóa nhóm xã hội, văn hóa cá thể và văn hóa vùng.



Hình 2. Ý niệm văn hóa

Khung lý thuyết của ngôn ngữ học văn hóa được tương trưng trong hình 3. Khung lý thuyết này cung cấp nền tảng hiểu biết những ý niệm văn hóa và sự nhận biết của chúng trong ngôn ngữ. Ngôn ngữ đóng vai trò kép trong mối liên hệ với ý niệm văn hóa. Theo Sharifian (2003), xét về một mặt, những sự tương tác ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của ý niệm văn hóa, vì chúng cung cấp không gian cho người nói để tạo dựng và đồng tạo dựng những ý nghĩa về kinh nghiệm của họ. Xét một mặt khác, nhiều khía cạnh của cả cấu trúc ngôn ngữ và việc sử dụng ngôn ngữ dẫn tới và phản ánh những ý niệm văn hóa.



Hình 3. Khung lý thuyết của Ngôn ngữ học văn hóa

Như vậy, có thể thấy, nhân tố văn hóa ẩn chứa bên dưới ngôn ngữ có thể được khám phá và hiểu thông qua các ý niệm văn hóa. Những bài đọc hiểu trong sách "New English File" chứa đựng rất nhiều ý niệm văn hóa liên quan đến các nước nói tiếng Anh và nhiều nước khác trên thế giới. Người học cần khám phá để hiểu cụ thể từng ý niệm đó, giúp làm bài tập đọc hiểu thật sự kỹ càng và chính xác.

3. Khảo sát cụ thể

3.1. Phân tích một số đoạn văn đọc hiểu tiêu biểu trong sách "New English File"

Chúng tôi đã khảo sát các bài đọc hiểu trong sách giáo trình cho sinh viên không chuyên trình độ A2 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, New English File-Intermediate (Clive Oxenden và Christina Latham - Koenig). Sau đây, chúng tôi trích dẫn một số câu văn bản chứa ý niệm văn hóa trong sách. Để làm bài đọc hiểu tốt hơn, sinh viên cần tìm hiểu kỹ lưỡng những kiến thức liên quan đến yếu tố văn hóa này.

Ví dụ 1: "I think people are trying to improve their diets, but they are doing in the wrong way by following diets like the *Aikins diet*." (Tạm dịch: Tôi cho rằng mọi người đang cố gắng cải

thiện chế độ ăn của mình, nhưng họ đang làm sai cách bằng việc tuân theo chế độ ăn như chế độ ăn Atkins.) [tr.4].

Đôi với một sinh viên không ăn kiêng hoặc không thật sự tìm hiểu thì sẽ không thể biết *Atkins diet* là gì. Đây chính là chế độ ăn dựa trên cơ chế hoạt động của phương pháp giảm cân Low Carb. Low Carbs Atkins chỉ cho phép ăn tinh bột ở điều kiện rất ít. Chế độ này được đánh giá là khá dễ chịu và gần gũi với khẩu phần ăn của người châu Á, đặc biệt là với thực đơn ăn của người Việt.

Ví dụ 2: "*I don't have the time or talent to cook full meals. I usually heat up a frozen meal or order a takeaway.*" (Tạm dịch: Tôi không có thời gian hay tài năng để nấu bữa ăn hoàn chỉnh. Tôi thường hâm nóng bữa ăn đông lạnh hay gọi đồ ăn mang đi).

Theo Từ điển Cambridge, *takeaway* là món ăn được nấu và mua tại cửa hàng hoặc nhà hàng nhưng được mang đi đâu đó, thường là về nhà, để ăn. Một người Việt Nam như những người có tuổi, không hiểu tiếng Anh và ít khi ăn những món *takeaway* như thế này sẽ không hiểu được. Từ về món ăn này được du nhập bên nước ngoài; người Việt cũng vẫn mua đồ ăn mang về nhà, nhưng từ xưa không dùng từ tiếng Anh này bao giờ. Trong những năm gần đây, các quán đồ ăn nhanh hoặc đồ ăn vỉa hè có in chữ *takeaway* như là sự du nhập văn hóa nước ngoài.

Bên cạnh đó, còn có một số tên các món ăn như *stew, sushi, jam, wholemeal bread*. Những món ăn này có nguồn gốc nước ngoài; người học cần tự trang bị cho mình vốn hiểu biết về văn hóa ẩm thực của các nước khác thì mới hiểu kĩ được.

Ví dụ 3: "*Argentina were playing England in the quarter-finals of the 1986 World Cup in Mexico. In the 52nd minute the Argentinian captain, Diego Maradona, scored a goal.*" (Tạm dịch: Đội Ac-hen-ti-na đang thi đấu với đội Anh trong vòng tứ kết của giải Vô địch thế giới năm 1986 ở Mê-hi-cô. Ở phút thứ 52, đội trưởng Ac-hen-ti-na, Diego Maradona ghi bàn.) [tr.8].

Trong hai câu này, người đọc cần hiểu được đôi chút về bóng đá, về giải bóng đá thế giới, về đội Anh và Ac-hen-ti-na. Có như vậy, sinh viên mới biết rằng Anh và Ac-hen-ti-na đều là hai cường quốc bóng đá; hai đội bóng thường xuất hiện trong giải bóng đá thế giới. Thêm vào đó, sinh viên cũng nên biết rằng Maradona từng là đội trưởng của đội Ac-hen-ti-na và là nhân vật lừng lẫy nhiều nhất trong nền bóng đá thế giới. Biết được điều này, người học mới thật sự quan tâm và cảm thấy thích thú khi đọc những thông tin trong đoạn văn.

Ví dụ 4: "*Wendy Wilson and her older sister Carnie are the daughters of the Beach Boys founder, Brian Wilson. They formed the band Wilson Philips (with the daughter of Michelle Philips of The Mamas and Papas)...."* (Tạm dịch: Wendy Wilson và chị gái Carnie là hai con gái của người thành lập ban nhạc Beach Boys, Brian Wilson. Họ đã lập nên ban nhạc Wilson Philips (với con gái của Michelle Philips của ban nhạc Mamas và Papas)...). [tr.14].

Trong những câu văn này, có một số danh từ riêng cần tìm hiểu liên quan đến ngành âm nhạc thế giới. Sinh viên nên tìm hiểu về ban nhạc *Beach Boys* và ban nhạc *Mamas and Papas*. Theo thông tin tác giả tìm được trên trang Wikipedia.org, *Beach Boys* là ban nhạc rock của Mỹ được thành lập năm 1961 ở California. Thành viên ban đầu của ban nhạc gồm Brian, Dennis và Carl Wilson, người anh em họ Mike Love và người bạn Al Jardine. Đây là một trong những ban nhạc có ảnh hưởng nhất trong kỉ nguyên nhạc rock. Ban đầu ban nhạc chơi nhạc Jazz, những năm 1950 của thế kỉ 20 chuyển sang rock n'roll, sau đó là R&B dành cho người da đen. Thêm một danh từ riêng nữa cũng cần được hiểu là ban nhạc *The Mamas and Papas*; đây là ban nhạc rock dân gian của Mỹ từng thu âm và biểu diễn từ năm 1965-1968. Nhóm tái hợp một thời gian ngắn vào năm 1971. Nhóm đã phát hành 5 album phòng thu và 17 đĩa đơn, sáu trong số đó từng lọt vào top 10 và bán được gần 40 triệu bản trên toàn cầu. Các thành viên bao gồm John Phillips (1935-2001), Denny Doherty (1940-2007), Cass Elliot (1941-1974) và Michelle Phillips với nữ danh *Gilliam* (b. 1944). Âm nhạc của họ dựa trên hòa âm giọng hát do John

Phillips sắp đặt. Ông là nhạc sĩ, người viết nhạc, trưởng nhóm và là người làm thích nghi nhạc dân gian vào phong cách nhạc mới của đầu thập niên 60. (Wikipedia.org).

Ví dụ 5: "*In her home city of Dortmund she set up a 'swapping circle' where people swap services without using money. for example, a haircut for a mathematics class.*" (Tạm dịch: Ở thành phố quê hương Dortmund cô ấy lập nên một 'vòng tròn trao đổi' mà mọi người trao đổi các dịch vụ nhưng không dùng đến tiền, ví dụ, việc cắt tóc thay cho giờ học toán.) [tr.22].

Trong đoạn văn bản này, hai từ *Dortmund* và *swapping circle* nên được làm rõ. Theo trang Wikipedia.org, *Dortmund* là một thành phố nằm về phía Đông của vùng Ruhr. Dortmund là thành phố lớn nhất cũng như là trung tâm kinh tế và thương mại của Westfalen. Tùy theo thời điểm thống kê và nguồn, thành phố đứng hàng từ thứ sáu đến thứ tám trong số các thành phố lớn nhất Đức. Dortmund phát triển từ một thành phố công nghiệp trở thành một nơi của công nghệ cao trong bang Nordrhein-Westfalen: được biết đến trước kia đặc biệt là qua thép, than đá và bia cũng như qua câu lạc bộ bóng đá Borussia Dortmund, việc biến đổi từ công nghiệp nặng qua dịch vụ và nghiên cứu cho đến công nghệ cao đã hoàn tất. Còn từ *swapping circle*, theo Từ điển Cambridge, *swap* nghĩa là đổi thứ gì lấy thứ gì. Có thể hiểu rằng *swapping circle* là một nhóm người trao đổi đồ vật hoặc dịch vụ gì đó cho nhau, mà không dùng đến tiền. Ở nước Đức hay một số nước khác, việc trao đổi như vậy đôi khi diễn ra khá phổ biến. Tuy vậy, ở Việt Nam, người dân thường dùng tiền để mua là chính, hoặc có lúc cho mượn và người mượn đồ thường trả lại chủ nhân sau khi sử dụng xong.

Ví dụ 6: "*Since then she has been living on Lipsi and working as a tourist guide. Her boyfriend, who is Greek, is a farmer. Sally said, 'I've only been back to London once, and I can't imagine ever living there again.'*" (Tạm dịch: Từ khi đó trở đi cô ấy sống ở trên đảo Lipsi và làm hướng dẫn viên du lịch. Bạn trai cô ấy, là người Hy Lạp, làm nông dân. Sally nói, 'Tôi mới quay lại Luân-đôn một lần, và tôi không thể tưởng tượng có thể sống ở đó lần nữa.'). [22].

Trong đoạn văn, có ba danh từ nên được tìm hiểu, *Lipsi*, *Greek* và *London*. Theo Wikipedia.org, *Lipsi* là một khu tự quản ở vùng Nam Egeo, Hy Lạp. Khu tự quản Lipsi có diện tích 17 km², dân số theo điều tra ngày 18 tháng 3 năm 2001 là 687 người. Để hiểu được *Greek* thì cần tìm hiểu *Greece*, tức nước Hy Lạp. Cũng theo Wikipedia.org, Hy Lạp, tên chính thức là Cộng hòa Hy Lạp, là một quốc gia thuộc khu vực châu Âu, nằm phía Nam bán đảo Balkan. Hy Lạp giáp với các nước Albania, Cộng hòa Macedonia và Bulgaria về phía Bắc, giáp với Thổ Nhĩ Kỳ về phía Đông. Biển Aegea bao bọc phía Đông và phía Nam Hy Lạp, còn biển Ionian nằm ở phía Tây. Phần lớn địa hình của đất nước này là núi non hiểm trở. Hy Lạp có rất nhiều những hòn đảo lớn nhỏ thuộc khu vực Địa Trung Hải. Dân số Hy Lạp năm 2015 xấp xỉ 10,955 triệu người. Hy Lạp là một trong những nền văn minh rực rỡ nhất thời cổ đại, có ảnh hưởng sâu rộng đến nền văn minh quanh khu vực Địa Trung Hải. Đây là nơi ra đời của nền dân chủ, triết học phương Tây và Thế vận hội Olympic. Đến thời trung cổ, Hy Lạp trở thành một bộ phận của Đế chế Byzantine, rồi sau đó lại nằm trong Đế chế Ottoman trong gần bốn thế kỉ. Năm 1821, nhân dân Hy Lạp đã nổi dậy khởi nghĩa và giành lại độc lập cho dân tộc. Danh từ riêng *London* là một địa danh được biết đến rộng rãi hơn. Theo Wikipedia.org, Luân Đôn là thủ đô của Anh và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland, đồng thời là vùng đô thị lớn nhất Vương quốc Liên hiệp Anh và cũng là khu vực đô thị rộng thứ hai về diện tích trong Liên minh châu Âu (EU). Luân Đôn được người La Mã lập ra 2000 năm trước đây với tên gọi đầu tiên là *Londinium*. Trung tâm chính trị xa xưa của Luân Đôn là Thành phố Luân Đôn, hiện vẫn giữ được ranh giới rộng hàng dặm vuông từ thời Trung Cổ trên quy mô lớn. Sớm nhất cũng từ thế kỉ 19, tên gọi "Luân Đôn" mới được biết đến như một đô thị lớn phát triển quanh trung tâm chính. Sự sáp nhập của những vùng đô thị liên hoàn tạo thành vùng Luân Đôn và vùng hành chính Đại Luân Đôn, do thị trưởng Luân Đôn và Hội đồng Luân Đôn điều hành thông qua đặc cử.

Trong sách New English File - Intermediate, còn rất nhiều các ý niệm văn hóa qua các đoạn văn đọc hiểu. Trên đây, người viết mới trích ra một vài trong số đó. Sinh viên muốn hiểu kĩ các đoạn văn bản trong sách thì nên tìm hiểu những kiến thức văn hóa-xã hội này; từ đó các em nắm được thông tin, nâng cao kĩ năng đọc hiểu và thành công hơn trong việc chiếm lĩnh các bài tập đọc hiểu trong sách giáo trình cũng như các sách khác hoặc nhiều nguồn tài liệu phong phú bằng tiếng Anh.

3.2. Đề xuất một số giải pháp

Kĩ năng đọc hiểu rất quan trọng đối với người học ngoại ngữ, bao gồm cả tiếng Anh, để họ có khả năng hiểu văn bản và làm bài tập đọc tốt nhất có thể. Người học tiếp xúc với ngôn ngữ nguồn và chuyển tải sang ngôn ngữ đích. Vì thế, người học cần khắc phục những khó khăn nhất định để hiểu, xử lí tốt văn bản và đạt được phần trăm đúng cao trong các bài tập kĩ năng đọc.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đọc như vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp, kĩ năng đọc hiểu và vốn hiểu biết văn hóa-xã hội, nói một cách khác là ý niệm văn hóa. Có được lượng từ vựng phong phú bằng ngôn ngữ của văn bản, sinh viên gặp ít rào cản hơn trong việc nắm bắt thông tin và tăng thêm sự hiểu biết chung. Thêm vào đó, người học cảm thấy dễ dàng khi đọc hiểu đoạn văn bằng tiếng nước ngoài và thường có xu hướng dành nhiều thời gian hơn để tìm đọc các văn bản tương tự.

Nắm bắt và thực hành hiệu quả các kĩ năng đọc góp phần vào sự thành công của người học trong việc tiếp cận văn bản và thấu hiểu nội dung kịp thời. Các kĩ năng đọc hiểu đa dạng và cần nhiều thời gian để nghiêm ngặt và áp dụng cho các kiểu bài khác nhau. Học viên cũng nên bình tĩnh, không nóng vội, luyện tập thường xuyên các kĩ năng đọc hiểu, nâng cao điểm số qua từng bài vì để thành công việc luyện tập cần tuân theo một quá trình với đầy đủ các bước.

Thêm vào đó, đọc hiểu không thể tách rời việc tìm tòi, khám phá những kiến thức về văn hóa-xã hội liên quan đến từng văn bản. Như thế, sinh viên luôn nuôi trong mình niềm say mê tìm hiểu về các nước nói tiếng Anh cũng như các nước khác trên thế giới, nâng cao vốn kiến thức văn hóa của bản thân. Qua đó, người học vừa cải thiện kĩ năng đọc hiểu vừa mở mang hiểu biết và mở rộng vốn từ vựng tiếng Anh của mình. Các đoạn văn trong sách "New English File-Intermediate" không chứa đựng quá nhiều kiến thức sâu về văn hóa-xã hội, nhưng sinh viên nên tìm hiểu những khía cạnh nhỏ liên quan đến văn hóa đó, và dần dần sinh viên sẽ gom góp cho bản thân vốn hiểu biết nhiều thêm mỗi ngày.

Ngoài ra, giảng viên nên hướng cho sinh viên tự tìm đọc những văn bản tiếng Anh về các chủ đề sinh viên quan tâm và thích thú nhằm thực hành các kĩ năng đọc của các em. Giảng viên có thể giới thiệu một số nguồn tài liệu để tiếp cận để sinh viên tham khảo khi có thời gian. Để giúp sinh viên thành công hơn trong việc tăng cường đọc tài liệu tiếng Anh bên ngoài lớp học, giảng viên có thể trợ giúp sinh viên theo cách phù hợp khi các em gặp khó khăn hoặc cảm thấy nản.

4. Kết luận

Trong bài viết ngắn gọn này, tác giả dựa vào khung lí thuyết là ngành ngôn ngữ học văn hóa, một phần của ngành ngôn ngữ học tri nhận để làm rõ ý niệm văn hóa. Từ đó, tác giả đi vào phân tích ý niệm văn hóa được chuyển tải qua ngôn ngữ trong các văn bản tiếng Anh của sách New English File-Intermediate như thế nào. Nhìn chung, thông tin văn hóa-xã hội nằm ở những từ hoặc cụm từ chỉ các khía cạnh khác nhau của đời sống tại các nước nói tiếng Anh hoặc nhiều nước khác trên thế giới. Từ việc tìm hiểu đó, kết hợp với vốn từ vựng rộng, kĩ năng đọc hiểu tốt, sinh viên không còn gặp nhiều trở ngại khi chinh phục các dạng bài đọc hiểu trong sách New English File-Intermediate nói riêng và các văn bản tiếng Anh bên ngoài sách giáo trình nói chung. Nhờ vậy, khoảng cách văn hóa giữa người học và ngôn ngữ L1 không còn quá xa, giúp sinh viên vượt qua những cản trở của giao tiếp giao văn hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Blount, B. G. (ed.) (1995), *Language, culture, and society: A book of readings* (2nd edition). Illinois: Waveland Press.
2. Cowley, S. J., & Vallée-Tourangeau, F. (Eds.). (2013), *Cognition beyond the brain: Computation, interactivity and human artifice*. Berlin: Springer. doi: 10.1007/978-1-4471-5125-8.
3. Duranti, A. (2003), *Language as culture in US anthropology: Three paradigms*. *Current Anthropology*, 44(3), 323-347. doi: 10.1086/368118.
4. Duranti, A. (2009), *The relevance of Husserl's theory to language socialization*. *Journal of Linguistic Anthropology*, 19(2), 205-226. doi: 10.1111/j.1548-1395.2009.01031.x.
5. Frank, R.M. (2015), *A future agenda for research on language and culture*. In F. Sharifan (Ed.), *The Routledge handbook of language and culture* (pp. 493-512). London: Routledge.
6. Leavitt, J. (2015), *Linguistic relativity: Precursors and transformations*. In F. Sharifan (Ed.), *The Routledge handbook of language and culture* (pp. 18-30). London: Routledge.
7. Palmer, G. B. (1996), *Toward a theory of cultural linguistics*. Austin: University of Texas Press.
8. Peeters, B. (2016), *Applied ethnolinguistics is cultural linguistics, but is it cultural linguistics?* *International Journal of Language and Culture*, 3(2), 137-160. doi: 10.1075/ijolc.3.2.01pee
Reprinted in F. Sharifan (Ed.), *Advances in Cultural Linguistics* (pp. 507-527). Singapore: Springer Nature. doi: 10.1007/978-981-10-4056-6_23.
9. Sharifan, F. (2014), *Cultural schemas as common ground*. In K. Burridge, & R. Benczes (Eds.), *Wrestling with words and meanings: Essays in honour of Keith Allan* (pp. 219-235). Clayton, VIC: Monash University Publishing.
10. Sharifan, F. (Ed.) (2017), *Advances in cultural linguistics*. Singapore: Springer Nature.
11. Sharifan, F., & Palmer, G. B. (Eds.). (2007), *Applied cultural linguistics: Implications for second language learning and intercultural communication*. Amsterdam: John Benjamins. doi: 10.1075/celcr.7.
12. Stewart, J. R., Gapenne, O., & Di Paolo, E. A. (Eds.) (2011), *Enactivism: Towards a new paradigm in cognitive science*. Cambridge, MA: MIT Press.
13. Underhill, J. W. (2012), *Ethnolinguistics and cultural concepts: Truth, love, hate and war*. Cambridge, UK: Cambridge University Press. doi: 10.1017/CBO9780511862540.
14. Wilson, R. A. (2005), *Collective memory, group minds, and the extended mind thesis*. *Cognitive Processing*, 6(4), 227-36. doi: 10.1007/s10339-005-0012-z.

**Cross-cultural communication and language in reading texts printed
in the coursebook "New English File-Intermediate"**

Abstract: Culture can be clarified through language. While learning a foreign language, it is a must to mention cross-cultural communication for learners to understand thoroughly and use the language correctly. It can be seen through differences in phonetics, grammar, vocabulary, etc; in another word, it is called cross-cultural language. Basing on cognitive linguistics, to be more specific, definition of cultural linguistics and cultural conceptualization, the researcher deeply analyzes English texts in the coursebook "New English File-Intermediate" (the book for non-English majors at Hanoi National University of Education) in L1 (foreign language) and L2 (mother tongue). After that, the writer proposes several measures to assist students understand the reading texts more easily, which contributes to their effective reading practice.

Key words: culture; language; cognitive linguistics; cultural conceptualization; New English File.